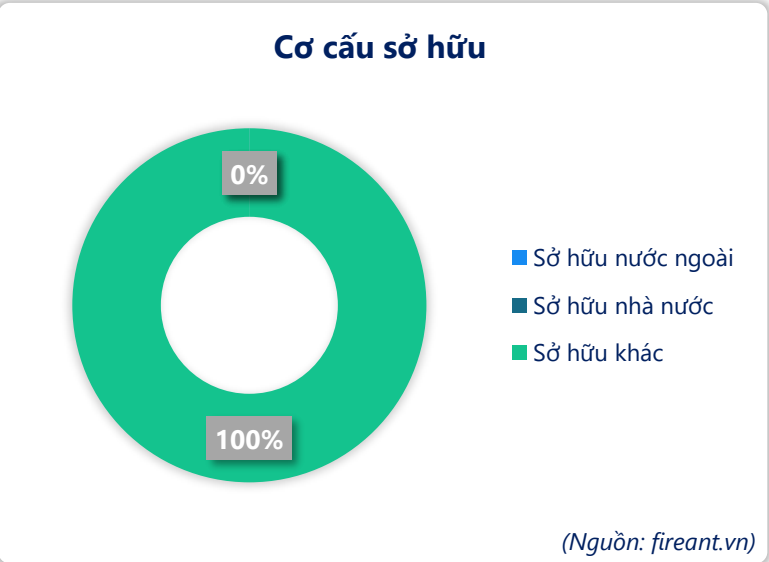
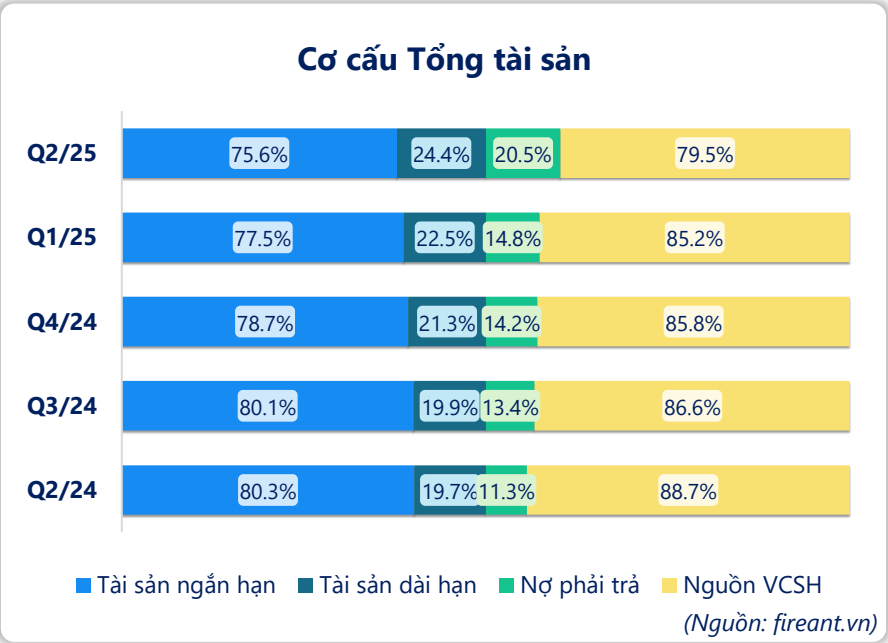
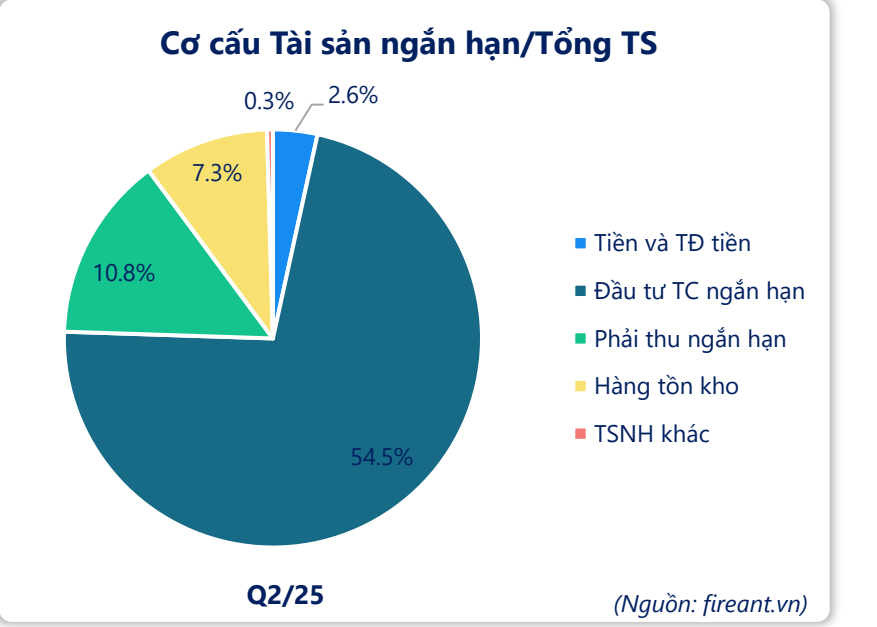
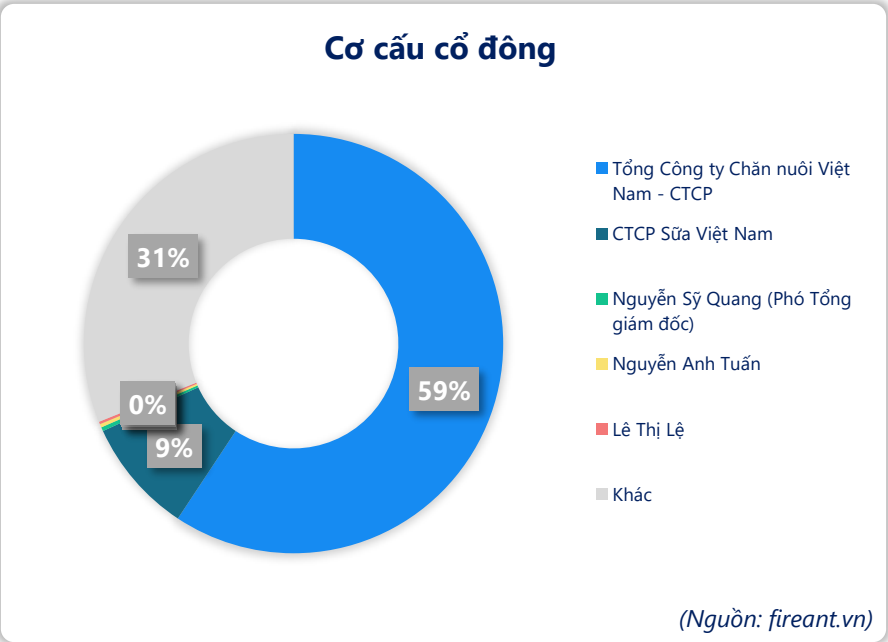
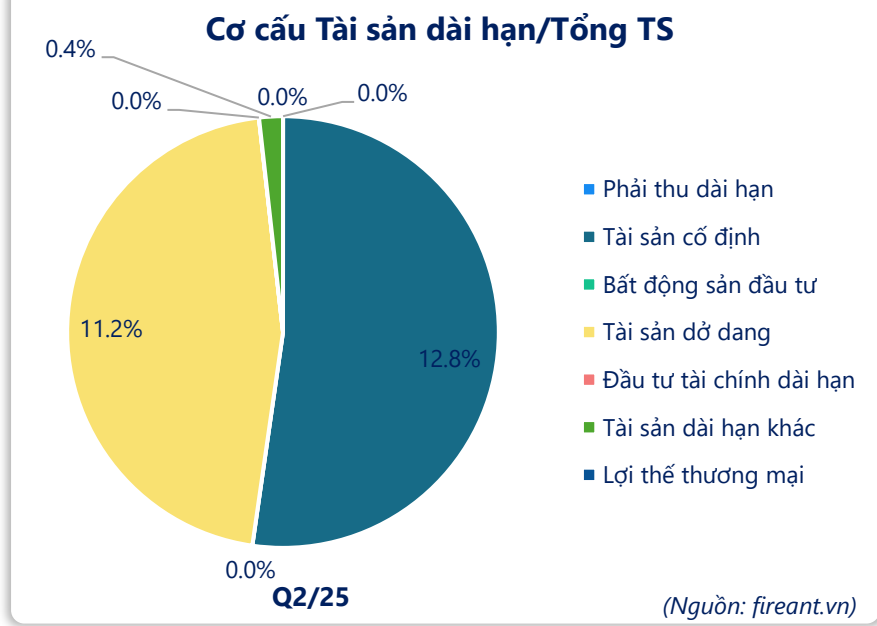
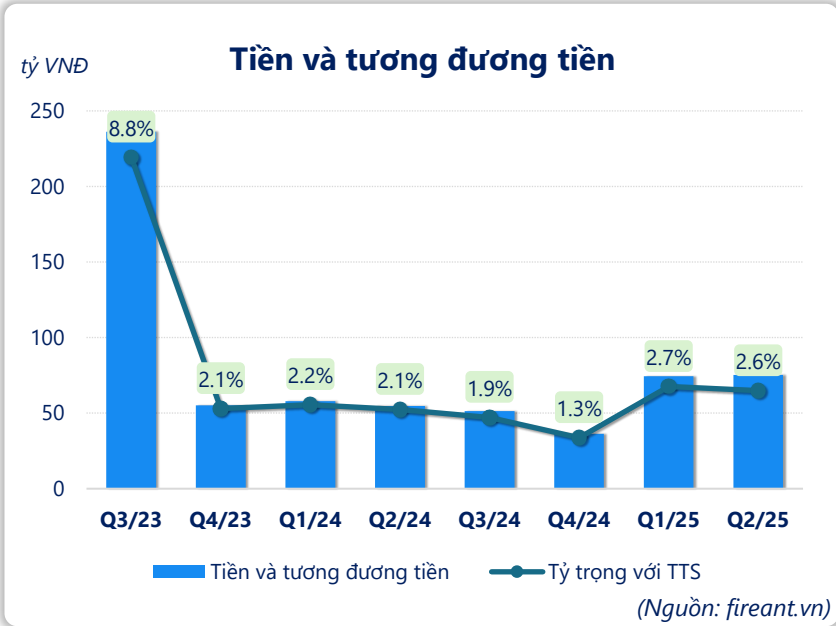
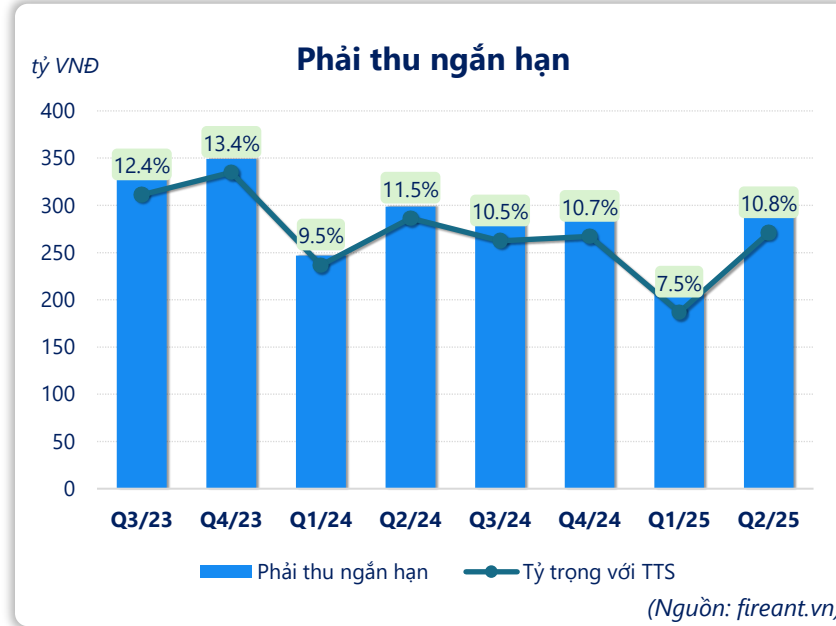
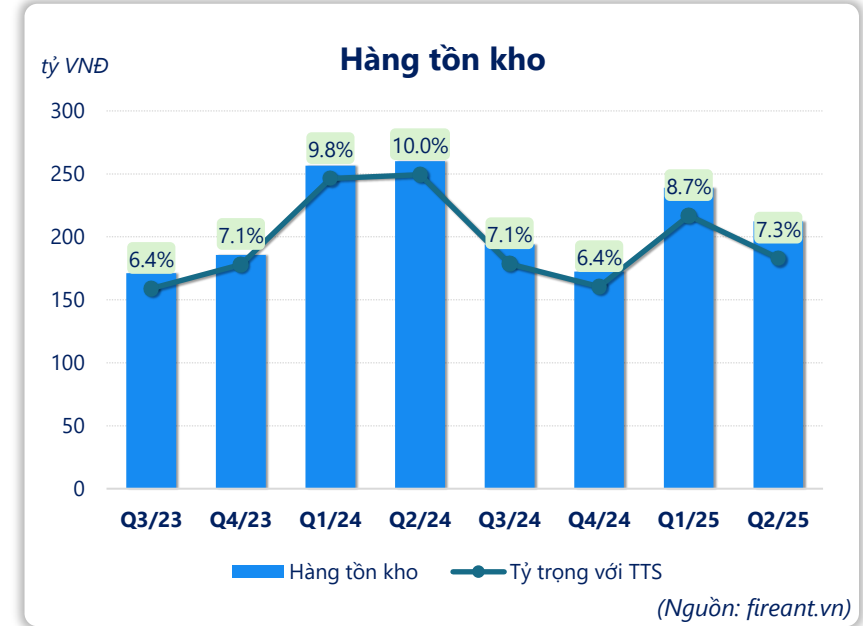
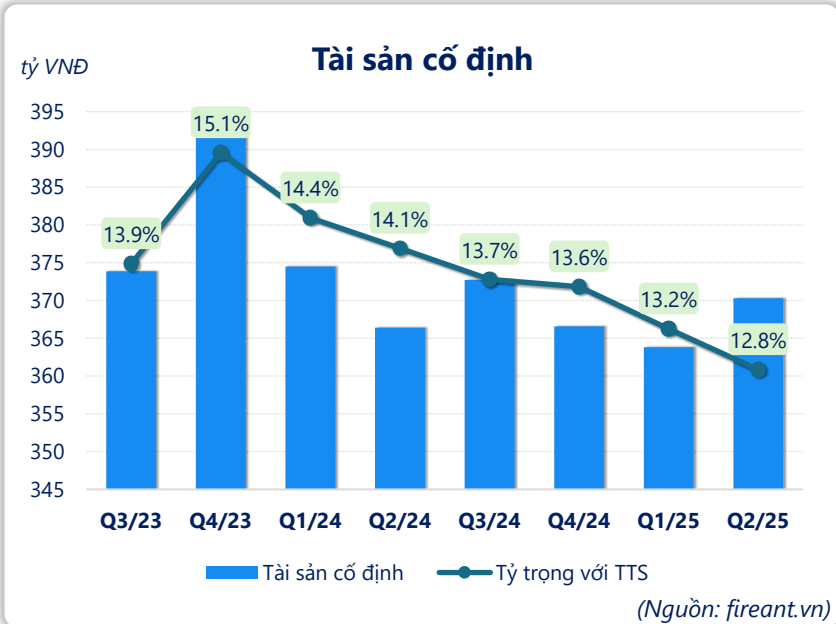
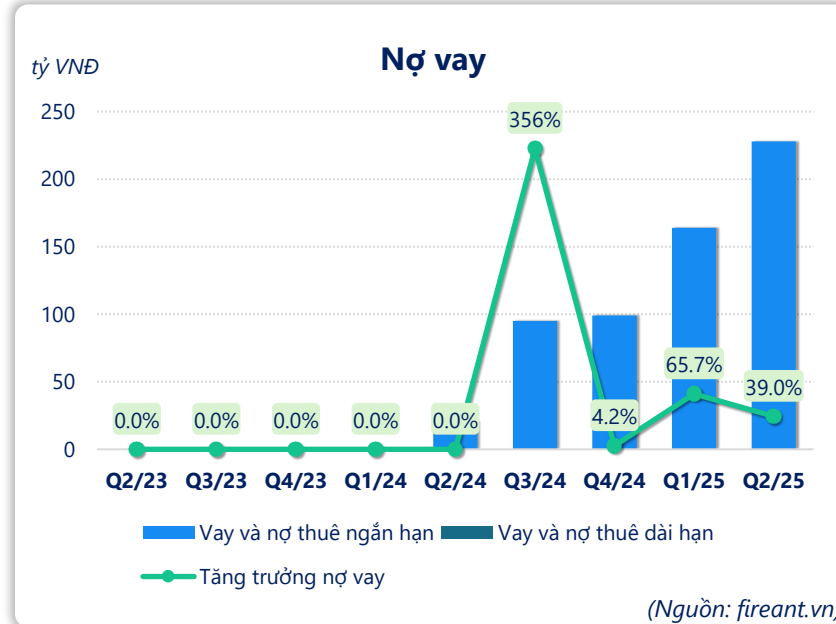
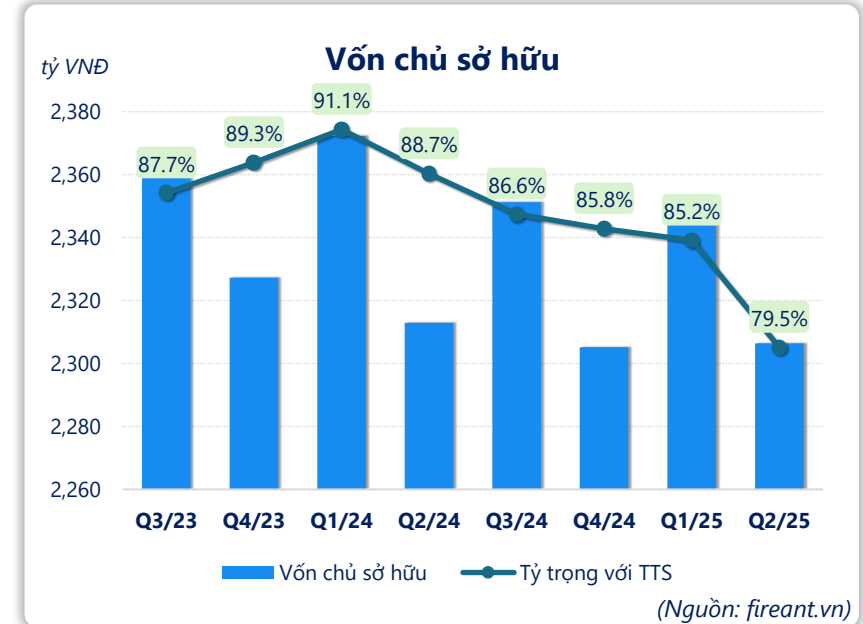
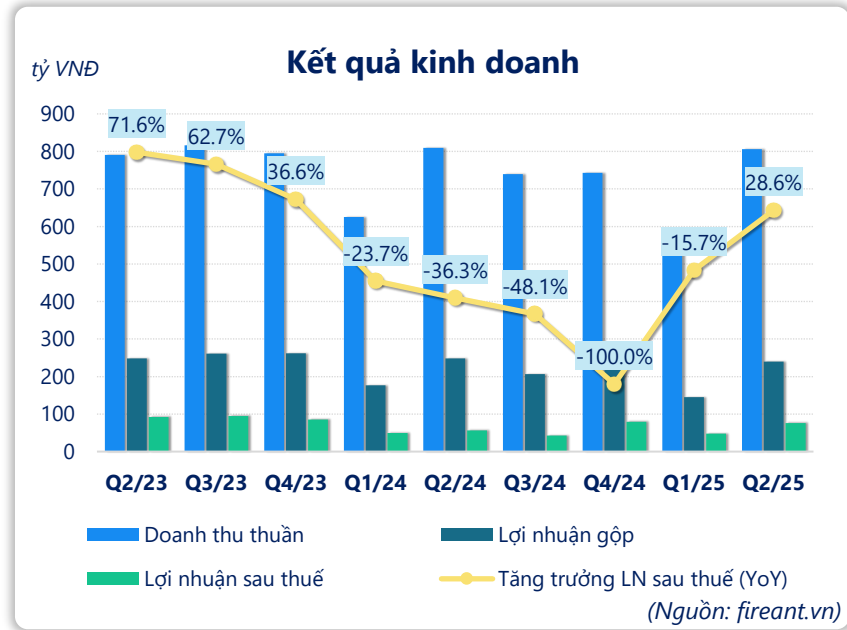
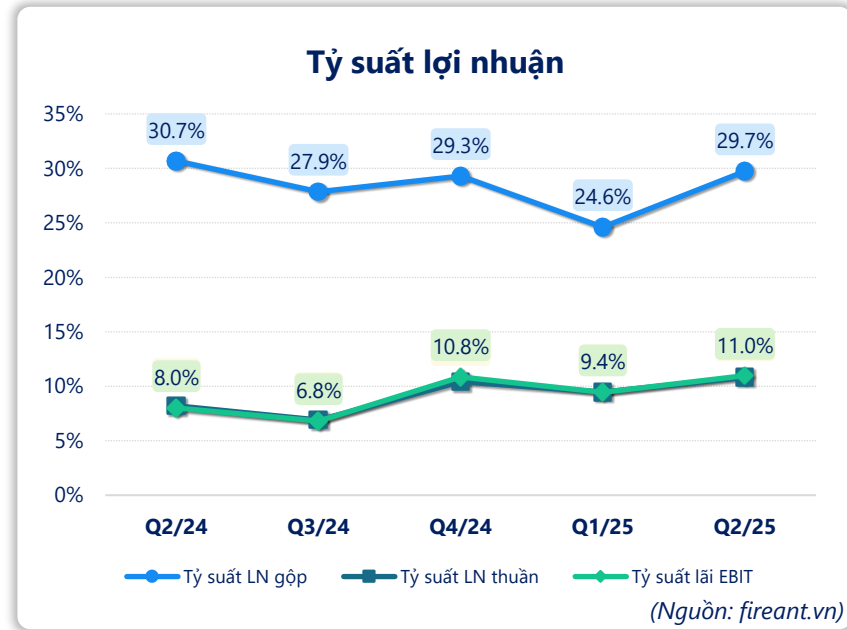
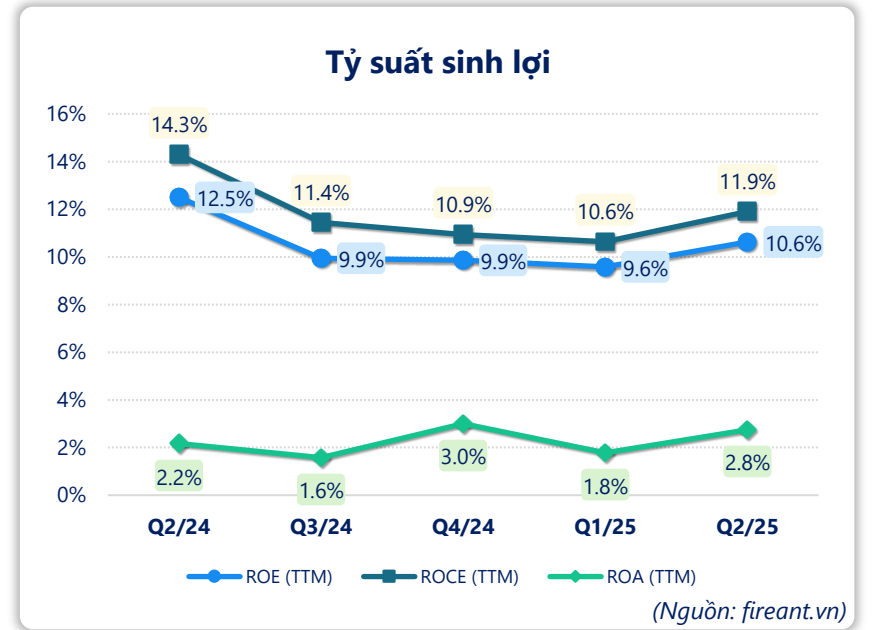
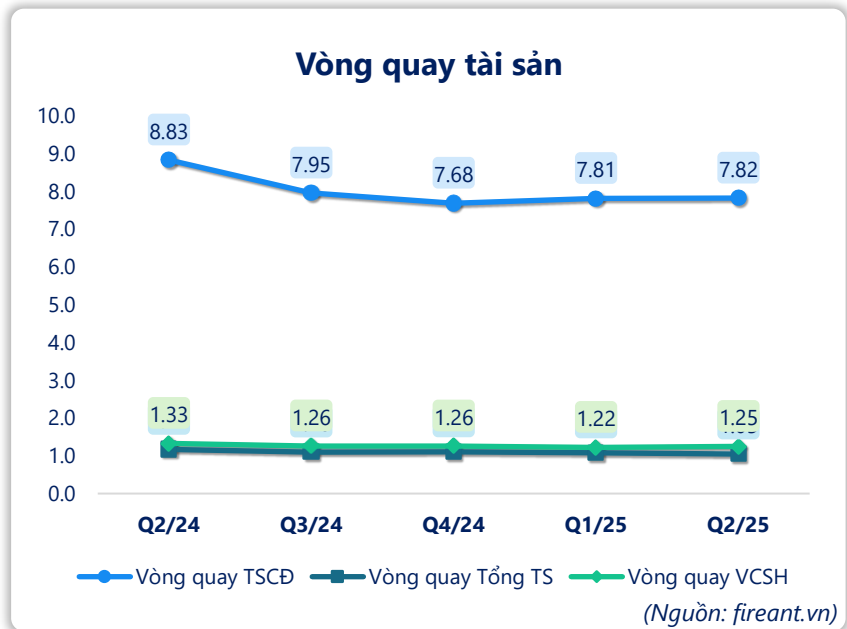
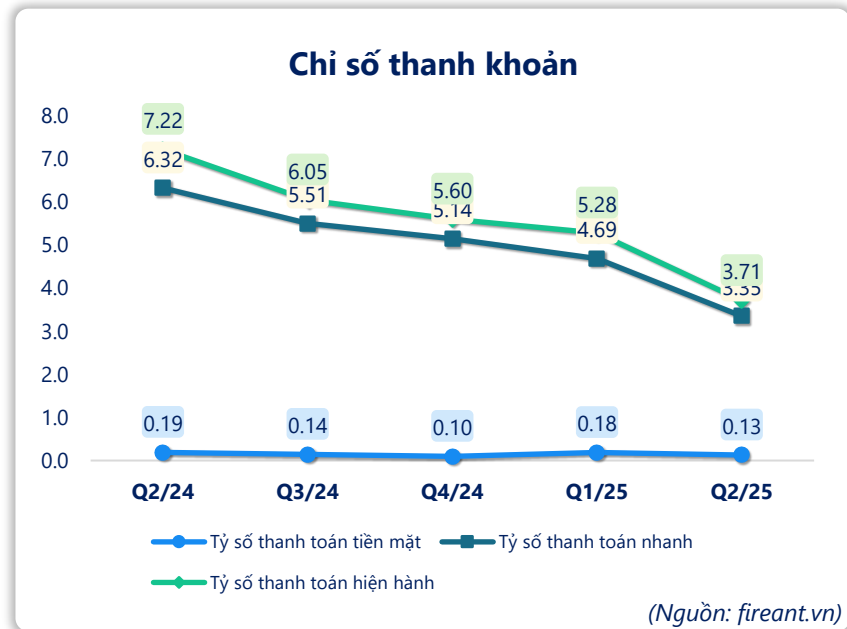
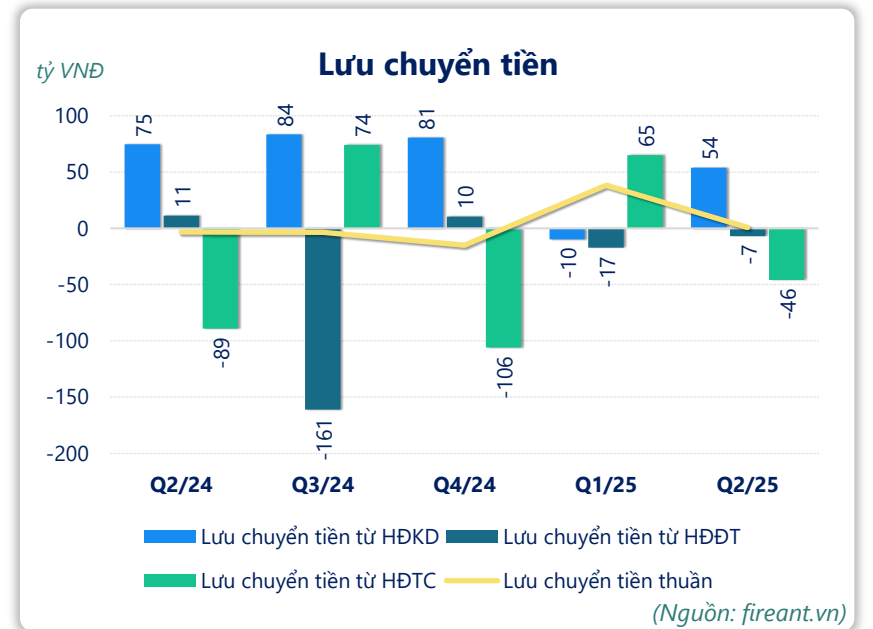


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		28,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		38,985
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		25,313
SL cổ phiếu LH		110,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		17,815
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,113
P/E		12.7
EPS		2,232

	YTD	1T	3T	6T
MCM	-15.0%	1.8%	-7.5%	-16.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,900	2,687	8.0%
Tài sản ngắn hạn	2,192	2,115	3.6%
Tiền và tương đương tiền	75.2	36.3	107%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,580	1,603	-1.4%
Phải thu ngắn hạn	314	287	9.5%
Hàng tồn kho	212	172	23.2%
Tài sản ngắn hạn khác	9.95	16.2	-38.7%
Tài sản dài hạn	709	572	23.9%
Phải thu dài hạn	0.09	0.09	0.0%
Tài sản cố định	370	367	1.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	326	187	74.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.08	0.08	0.0%
Tài sản dài hạn khác	12.6	18.2	-30.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	594	381	55.7%
Nợ ngắn hạn	591	378	56.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	228	99.0	130%
Phải trả người bán ngắn hạn	178	165	8.1%
Nợ dài hạn	3.34	3.88	-13.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,306	2,305	0.1%
Vốn chủ sở hữu	2,306	2,305	0.1%
Vốn điều lệ	1,100	1,100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	809	740	743	591	806
Giá vốn hàng bán	561	534	525	446	567
Lợi nhuận gộp	248	206	218	145	240
Doanh thu HĐTC	21.6	23.7	25.5	24.5	27.7
Chi phí TC	0.01	0.57	1.32	1.28	2.15
Chi phí lãi vay	0.01	0.57	1.16	1.17	1.98
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	194	170	154	102	169
Chi phí QLDN	9.31	8.65	10.4	10.3	8.97
LN thuần từ HĐKD	66.3	51.1	77.3	56.0	87.3
Lợi nhuận khác	-1.62	-1.30	2.11	-1.35	-0.78
LN trước thuế	64.7	49.8	79.4	54.7	86.5
Lợi nhuận sau thuế	56.3	42.6	79.4	47.8	75.7
LNST của CĐ cty mẹ	56.3	42.6	79.4	47.8	75.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	74.6	83.5	80.6	-9.67	53.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.3	-161	10.4	-17.1	-7.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-89.2	74.2	-106	65.0	-46.0
Tiền đầu kỳ	58.0	54.7	51.3	36.3	74.5
Lưu chuyển tiền thuần	-3.29	-3.40	-15.0	38.2	0.69
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	54.7	51.3	36.3	74.5	75.2

(Nguồn: fireant.vn)